| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN VĨNH THUẬN**<br>TỈNH KIÊN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hoàng Vũ.

Bà Phan Thị Cẩm.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa***: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp R, xã VT, huyện V, tỉnh K (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp R, xã VT, huyện V, tỉnh K (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày*:

*Về quan hệ hôn nhân*: Chị C và anh N tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1997, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh N không lo làm, ăn nhậu, cờ bạc, đập phá đồ trong gia đình và đánh đập vợ con, anh N hiện đi làm thuê trên thành phố Hồ Chí Minh, có thường xuyên tới lui về

thăm gia đình; tháng 04/2016 anh, chị sống ly thân cho đến nay. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh N.

*Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung tên Trần Thái Ng, giới tính nam, sinh năm 1999 (đã trưởng thành) và cháu Trần Nguyễn Thái A, giới tính nữ, sinh năm 2015 (đang chung sống với chị C), chị C yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Thái A, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh, chị.

*Bị đơn anh N vắng mặt nên không có lời trình bày.*

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh N; về con chung giao cháu Trần Nguyễn Thái A cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Trần Hoàng N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị C yêu cầu ly hôn với anh N và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị C và anh N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1997, quá trình chung sống anh, chị không đăng ký kết hôn và ly thân từ tháng 04/2016.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình quy định: *Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu luật cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn*

*thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

*Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.*

Và tại đoạn 2 Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 quy định*: Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật này.*

Chị C và anh N chung sống với nhau vào năm 1997 trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn. Tuy nhiên, anh chị phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định. Nhưng do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được công nhận là quan hệ vợ chồng. Nay anh, chị mâu thuẩn và chị C xin ly hôn nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh N.

[4] Về con chung: Chị C yêu cầu được nuôi cháu A, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu A, sinh ngày 01/4/2015 và tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi; về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Nguyễn Thái A, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Riêng đối với cháu Trần Thái Ng, giới tính nam, sinh năm 1999 đã trưởng thành, chị C không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị C chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 11, Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 sửa đổi bổ sung năm 2010; Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 sửa đổi bổ sung năm 2010 của Quốc hội khóa X về việc thi thành Luật hôn nhân gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C với anh Trần Hoàng N.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thái A, giới tính nữ, sinh ngày 01/4/2015 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng (cháu A đang chung sống với chị C), anh N không cấp dưỡng nuôi con. Anh N được quyền tới lui chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí sơ thẩm: Chị C chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 03117 ngày 02/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/9/2017). Bị đơn anh Trần Hoàng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự".

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Phượng**